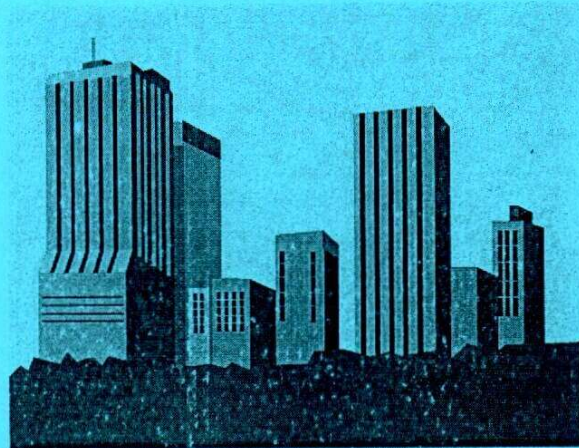


UBND TỈNH THANH HÓA
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH



CÔNG BỐ
THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUÝ 4 NĂM 2022



Thanh Hóa, tháng 01 năm 2023

UBND TỈNH THANH HÓA
LS XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 320/LSXD-TC

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 01 năm 2023

CÔNG BỐ
THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH QUÝ 4 NĂM 2022

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ luật Giá số 11/2012/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021, Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông qua tỉnh Thanh Hóa tại các Công văn: số 6489/UBND-CN ngày 17/5/2021; số 5850/UBND-CN ngày 05/5/2021 và số 273/UBND-CN ngày 07/01/2021;

Căn cứ chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Mai Xuân Liêm tại Công văn số 9954/UBND-CN ngày 08/7/2022, Công văn số 10755/UBND-CN ngày 25/7/2022; giao Liên Sở Xây dựng - Tài chính bắt đầu từ tháng 8/2022, phải báo giá theo tháng đối với chủng loại vật liệu có biến động lớn; Công văn số 4155/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/8/2022; Công văn số 15465/UBND-CN ngày 17/10/2022 về giải quyết khó khăn vướng mắc về nguồn vật liệu cung cấp cho các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn;

Căn cứ biến động giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Thanh Hóa Công bố thông tin về giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Tháng 10 năm 2022 với nội dung sau:

1. Đối với các vật liệu đã được Liên Sở Xây dựng – Tài chính cập nhật Công bố thông tin giá VLXD tháng 10 thì chỉ cập nhật giá tháng 11, tháng 12 tại Công bố thông tin giá VLXD Quý 4/2022 này.

2. Công bố thông tin giá các loại vật liệu phổ biến, đạt tiêu chuẩn, để các đơn vị có cơ sở tham khảo trong việc xác định tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) thực hiện trong Quý 4 năm 2022.

3. Chủ đầu tư và tổ chức tư vấn khi sử dụng thông tin về giá vật liệu

Chủ đầu tư và tổ chức tư vấn khi sử dụng thông tin giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khoảng cách cự ly vận chuyển, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, yêu cầu thiết kế và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn chủng loại vật liệu phù hợp với yêu cầu thiết kế và xác định giá phù hợp với thị trường, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng mục tiêu đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí.

Những công trình vùng sâu, vùng xa phải trung chuyển vật liệu thì Chủ đầu tư căn cứ vào điều kiện cụ thể của công trình, phương án vận chuyển (phương tiện vận chuyển, phương thức vận chuyển vật liệu) và chi phí vận tải tại địa

phương phù hợp với mặt bằng giá thị trường để xác định giá vật liệu đến hiện trường xây lắp cho công trình theo quy định.

4. Tại thời điểm lập dự toán công trình, những loại vật liệu có biến động giá so với Công bố này hoặc các loại vật liệu khác không có trong Công bố của Liên Sở thì Chủ đầu tư, Nhà thầu xây dựng: Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng vật liệu, yêu cầu của dự án được quy định theo yêu cầu sử dụng vật liệu của công trình, dự án, nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ, khối lượng cung cấp, kế hoạch sử dụng vật liệu dự kiến của công trường, thời điểm lập và mặt bằng giá thị trường tại nơi xây dựng công trình và được tính đến hiện trường công trình theo hướng dẫn tại Phụ lục IV Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; mức giá phù hợp giữa các báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng xây dựng (không áp dụng đối với các loại vật liệu lần đầu xuất hiện trên thị trường và chỉ có duy nhất trên thị trường Việt Nam); tham khảo giá của loại vật liệu xây dựng có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự đã được sử dụng ở công trình khác; xác định giá vật liệu xây dựng và chịu trách nhiệm về việc xác định giá vật liệu đưa vào công trình.

Với các loại vật liệu xây dựng phải nhập khẩu (do thị trường trong nước không có hoặc theo quy định tại hiệp định vay vốn của nhà tài trợ đối với các dự án sử dụng ODA) thì giá các loại vật liệu này xác định trên cơ sở lựa chọn mức giá thấp nhất theo các báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng vật liệu xây dựng phù hợp chuẩn chất lượng, xuất xứ hàng hóa và mặt bằng giá khu vực. Giá vật liệu được quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm lập dự toán;

5. Khuyến khích lựa chọn vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

Trong quá trình thực hiện có vấn đề vướng mắc đề nghị phản ánh về Liên sở Xây dựng - Tài chính (kèm theo hồ sơ xác định giá) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

SỞ TÀI CHÍNH
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lương Tiến Thành

SỞ XÂY DỰNG
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Lê Quang

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- UBND tỉnh T.Hóa (để báo cáo);
- Sở Tài chính Thanh Hóa;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các ngành, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, SXD.

PHU LUC 1:

**BẢNG THÔNG TIN GIÁ CÁC LOẠI VLXD THÔNG DỤNG:
 XI MĂNG, CÁT, ĐÁ, GẠCH, NGÓI, TÂM LỢP, CẦU KIẾN BÊ TÔNG, KÍNH
 NHỰA ĐƯỜNG, THÉP, CỬA NHỰA, CỬA NHÔM VÀ NHIÊN LIỆU
 KHU VỰC THÀNH PHỐ THANH HÓA - THỜI ĐIỂM QUÝ 4/2022
 (Kèm theo Công bố số: 320/LSXD-TC ngày 16 tháng 01 năm 2023
 của liên Sở Xây dựng - Tài chính Thanh Hóa)**

h	Sản phẩm của Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	TCCS 01:2018/CSNB		
*	Cột thép chiếu sáng - Liên cần đơn	"	Cột	1.650.000
1	Cột bát giác, tròn côn H=4m, dày 3mm, bích đế 300x300	" -	Cột	1.700.000
2	Cột bát giác, tròn côn H=5m, dày 3mm, bích đế 300x300	"	Cột	1.850.000
3	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 300x300	"	Cột	2.180.000
4	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 300x300	"	Cột	2.520.000
5	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3mm, bích đế 300x300	"	Cột	2.980.000
6	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3mm, bích đế 300x300	"	Cột	4.204.000
7	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3mm, bích đế 400x400	"	Cột	5.165.000
8	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	"	Cột	7.005.000
9	Cột bát giác, tròn côn H=12m, dày 4mm, bích đế 400x400	"		
*	Thân cột thép chiếu sáng - D78	"	Cột	1.550.000
10	Cột bát giác, tròn côn H=3m, dày 3mm, bích đế 300x300	"	Cột	1.700.000
11	Cột bát giác, tròn côn H=4m, dày 3mm, bích đế 400x400	"	Cột	2.050.000
12	Cột bát giác, tròn côn H=5m, dày 3mm, bích đế 300x300	"	Cột	2.150.000
13	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 300x300	"	Cột	2.410.000
14	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 400x400	"	Cột	3.480.000
15	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	"	Cột	4.000.000
16	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	"	Cột	6.572.000
17	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 4mm, bích đế 400x400	"	Cột	7.217.000
18	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 4mm, bích đế 400x400	"	Cột	9.179.000
19	Cột bát giác, tròn côn H=12m, dày 4mm, bích đế 400x400	"		
*	Cần đèn lắp vào thân cột thép - D78	"		
20	Cần đơn kiểu dáng MB01-D, MB02-D, MB03-D, MB04-D, MB05-D, MB06-D, MB07-D, MB08-D, MB09-D, MB10-D, MB11-D	"	Cần	1.157.000
21	Cần kép kiểu dáng MB01-K, MB02-K, MB03-K, MB04-K, MB05-K, MB06-K, MB07-K, MB08-K, MB09-K, MB10-K, MB11-K	"	Cần	1.595.000